



chōng zǎo

冲澡

verb-object phrase · take a shower

Example Sentences

Wǒ měi tiān zǎo chén dōu chōng zǎo

我每天早晨都冲澡。

I take a shower every morning.

tā chōng zǎo shí xǐ huan tīng yīn yuè

他冲澡时喜欢听音乐。

He likes to listen to music while taking a shower.

Yùn dòng hòu chōng zǎo néng ràng rén fàng sōng

运动后冲澡能让人放松。

Taking a shower after exercise can relax you.

Trace each character, then write the word on your own.

